

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Tổng Công Ty Cổ phần Công trình Viettel
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___ [<i>ghi tên Nhà thầu trúng thầu</i>].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: ___ [<i>ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm</i>]. [<i>Ghi theo thông tin địa điểm giao hàng trong phần Phạm vi cung cấp của E-HSMT (cột “Địa điểm dự án”)</i>]
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng:
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Ông Phạm Đình Trường - Chức vụ : Tổng Giám đốc. Địa chỉ: Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel - Số 1 Giang Văn Minh - Phường Giảng Võ - Hà Nội. Điện thoại: (024) 62661155.
E-ĐKC 5.1	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>03% giá trị hợp đồng</i> - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến <i>hết ba mươi (30) ngày sau ngày hai Bên ký [Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC)]</i> và Chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh bảo hành có hiệu lực. Mọi chi phí liên quan tới bảo lãnh do Nhà thầu chịu Trong mọi trường hợp, nếu Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hết hiệu lực trước thời hạn một (01) tháng kể từ ngày Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC) như quy định ở trên thì Nhà thầu sẽ có trách nhiệm gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh thêm tối thiểu ba (03) tháng cho mỗi lần gia hạn.
E-ĐKC 5.3	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động được giải tỏa sau ba mươi (30) ngày kể từ hai bên ký <i>Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC)</i> và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành có hiệu lực theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT dưới đây.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: không áp dụng
E-ĐKC 7.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: <i>Trong vòng 30 ngày</i> Giải quyết tranh chấp: <i>Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày một bên gửi văn bản yêu cầu bên kia giải quyết tranh chấp thì các bên có quyền</i>

	<p><i>đưa tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để giải quyết. Phí tòa án và chi phí luật sư của Bên còn lại sẽ do Bên thua kiện chịu.</i></p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <i>Đối với hàng hóa nhập khẩu] Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu hoặc nước thứ ba phát hành: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực; hoặc 02 bản sao chứng thực;</i> <i>Đối với hàng hóa sản xuất trong nước] Giấy chứng nhận xuất xưởng do nhà sản xuất phát hành: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực; hoặc 02 bản sao chứng thực;</i> <i>Đối với hàng hóa nhập khẩu là vật tư linh kiện sản xuất không có giấy chứng nhận xuất xứ] Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn (CoC) do nhà sản xuất hoặc nhà phân phối phát hành: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực; hoặc 02 bản sao chứng thực;</i> <i>Hóa đơn GTGT cho toàn bộ hàng hóa và dịch vụ (nếu có): theo quy định của pháp luật;</i> <i>Phiếu đóng gói chi tiết (Packing list) do nhà sản xuất hoặc nhà thầu phát hành: 01 bản gốc;</i> <i>Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) [nếu cần] do nhà sản xuất hoặc đại diện của nhà sản xuất cấp: 01 bản gốc và 01 bản sao chứng thực; hoặc 02 bản sao chứng thực.</i> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: <i>Được phép.</i></p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 13.1	<p><u>Tạm ứng:</u> Bên A tạm ứng cho bên B 20% giá trị Hợp đồng trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên A nhận được bảo lãnh tạm ứng tương đương 20% giá Hợp đồng với điều kiện Hợp đồng đã được ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên và Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng. Toàn bộ số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách khấu trừ vào thanh toán đợt 1.</p> <p>Nhà thầu có trách nhiệm nộp 1 bảo lãnh tạm ứng với giá trị bằng với</p>

	<p>khoản tạm ứng theo Mẫu số 19 Phần 4 E-HSMT hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Bảo lãnh tạm ứng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo lãnh tạm ứng được thực hiện bằng cách phát hành bảo đảm ngân hàng, vô điều kiện và không hủy ngang. Bảo lãnh sẽ có hiệu lực từ ngày nhận được khoản tạm ứng đến hết 30 ngày sau ngày Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC) được ký và đóng dấu bởi hai bên. <i>Trường hợp Nhà thầu không nhận tạm ứng thì không cần nộp bảo lãnh tạm ứng.</i></p>
<p>E-ĐKC 14.2</p>	<p><i>Phương thức thanh toán:</i></p> <p><i>Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu bằng hình thức chuyển khoản bằng Việt Nam Đồng như sau:</i></p> <p><u>Thanh toán đợt 1:</u> 50% giá trị Hợp đồng trừ đi giá trị tạm ứng 20% giá Hợp đồng, tương đương bằng 30% giá trị Hợp đồng được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Biên bản bàn giao hàng hoá tổng thể (HOC) đã được ký kết với điều kiện Biên bản Kiểm tra kỹ thuật (KCS) đã được ký kết, Bên B cung cấp hóa đơn và các chứng từ như quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT 9.</p> <p><u>Thanh toán đợt 2:</u> 50% giá trị hợp đồng được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Hai bên ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC), Biên bản thanh lý, quyết toán hợp đồng và Bên B đã xuất trình cho Bên A bảo lãnh bảo hành có hiệu lực tương đương năm phần trăm (5%) giá Hợp đồng.</p> <p>Bảo lãnh bảo hành: Nhà thầu phải xuất trình cho Chủ đầu tư một (01) Bảo lãnh Bảo hành có giá trị bằng năm phần trăm (5%) giá trị Hợp đồng, được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm vô điều kiện và không hủy ngang (trả tiền khi có yêu cầu), và có hiệu lực bắt đầu tối thiểu từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hành đến khi kết thúc thời hạn bảo hành. Bảo lãnh bảo hành này là để bảo đảm cho tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà thầu trong thời gian bảo hành. Tất cả các chi phí đối với việc bảo lãnh này do Nhà thầu chịu.</p> <p>Trước mỗi đợt thanh toán và tạm ứng, Nhà thầu có trách nhiệm gửi công văn đề nghị tạm ứng/thanh toán và xuất trình đầy đủ chứng từ như quy định cho Chủ đầu tư trước thời hạn ít nhất <i>15 ngày</i>. Công văn đề nghị tạm ứng/thanh toán này là một chứng từ trong bộ chứng từ thanh toán. Trường hợp Nhà thầu chậm trễ trong việc gửi công văn/chứng từ thì Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về việc chậm thanh toán và tạm ứng.]</p>
<p>E-ĐKC 18.2</p>	<p>Việc đóng gói phải tuân theo tiêu chuẩn đóng gói của Nhà sản xuất,</p>

	<p>đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hàng hoá trong quá trình vận chuyển đường bộ, đường biển, đường hàng không đến kho của Bên Mua; việc ghi, dán nhãn mác hàng hóa phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.</p> <p>Riêng đối với hàng nhập khẩu, bên cạnh nhãn gốc gắn trên hàng hóa được giữ nguyên, toàn bộ hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng đều phải được gắn nhãn phụ bằng tiếng Việt ở vị trí có thể dễ dàng nhận biết được bằng mắt thường, được gắn trên từng hàng hóa và/hoặc bao bì thương phẩm của hàng hóa.</p> <p>Màu sắc của chữ, chữ số, hình vẽ, hình ảnh, dấu hiệu, ký hiệu ghi trên nhãn hàng hoá phải rõ ràng. Nội dung ghi trên nhãn phụ phải trung thực, rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng bản chất của hàng hoá và tương ứng với nội dung ghi trên nhãn gốc bằng tiếng nước ngoài của hàng hóa, tối thiểu phải bao gồm các nội dung cụ thể như sau:</p> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 15px; padding: 10px; margin: 10px auto; width: fit-content;"> <p>Tên hàng hóa :</p> <p>Mã hiệu hàng hóa:</p> <p>Thông số kỹ thuật :</p> <p>Năm sản xuất :</p> <p>Xuất xứ :</p> <p>Nhà sản xuất :</p> <p>Nhà nhập khẩu :</p> <p>Địa chỉ :</p> <p>Hướng dẫn sử dụng, bảo quản: Kèm theo sản phẩm</p> </div> <p>Trong trường hợp hàng hóa có số Serial, Bên Bán có trách nhiệm cung cấp hàng hóa có số Serial cho toàn bộ hàng hóa (chi tiết đến từng bộ phận có thể tháo rời). Số Serial kèm theo mã vạch phải được dán ra phía ngoài để thuận tiện cho việc kiểm tra, thống kê của Bên Mua.</p>
E-ĐKC 19	<p>Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu chịu mọi chi phí và trách nhiệm liên quan tới bảo hiểm hàng hóa cho tới khi hàng hóa được giao xong cho Chủ đầu tư.</p>
E-ĐKC 20.1	<p>Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án (quy định tại phụ lục 4 của Hợp đồng). Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm, nhân công, bốc xếp theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng;</p>
E-ĐKC 20.2	<p>Các dịch vụ bao gồm: _____ <i>[mô tả cụ thể các dịch vụ]</i>.</p> <p><i>[Lưu ý: Ghi các nội dung dịch vụ theo từng gói thầu cụ thể, nếu có]</i></p>
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p>Hai bên sẽ kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa theo quy định tại Phụ lục 3 – Quy trình tổ chức bàn giao, kiểm tra hàng hóa của Hợp đồng trên cơ sở tuân thủ quy định Chương V – E-HSMT.</p>

E-ĐKC 21.2	- Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: địa điểm chỉ định của Chủ đầu tư tại Phụ lục 4: Tiến độ, địa điểm thực hiện hợp đồng của Hợp đồng.
E-ĐKC 22	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng :Áp dụng</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 0,2%/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại:Áp dụng</p> <p>Trong trường hợp vi phạm hợp đồng, bên vi phạm hợp đồng có trách nhiệm bồi thường cho bên còn lại toàn bộ thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.</p>
E-ĐKC 23.3	<p>Thời hạn bảo hành là: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC).</p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: tại các Tổng kho của Chủ đầu tư.</p>
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	<p>1. Thời hạn sửa chữa, thay thế là: Trong trường hợp hàng hóa có sự cố, Bên B có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật liên hệ với Bên A không muộn hơn hai (02) tiếng kể từ khi nhận được thông báo bằng điện thoại/email/ văn bản của Bên A về việc yêu cầu khắc phục sự cố tại địa điểm lắp đặt của Bên A. Thời gian xử lý sự cố là hai mươi bốn (24) giờ. Nếu sự cố không khắc phục được tại địa điểm của Bên A thì Bên B phải mang hàng hóa đi sửa chữa và trả lại cho Bên A hàng hóa đã được sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa mới.</p> <p>2. Thời gian bổ sung/ thay thế/ sửa chữa hàng hóa lỗi trong thời gian bảo hành tối đa là hai (02) tuần kể từ khi Bên B nhận được thông báo bằng điện thoại/ email/ văn bản của Bên A. Trong trường hợp quá thời gian trên mà hàng hóa không thể sửa chữa/ thay thế được, Bên B phải bù tiền tương đương trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn sửa chữa/ thay thế hàng hóa.</p> <p>Đối với hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng, Bên A sẽ thông báo cho Bên B yêu cầu thu hồi toàn bộ lô hàng lỗi trong các trường hợp sửa chữa/thay thế/bổ sung hoặc trả lại hàng. Bên B có trách nhiệm thu hồi</p>

	<p>hàng lỗi tại các tổng kho của Bên A trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trên. Nếu không, Bên B sẽ chịu toàn bộ các phí, chi phí liên quan đến việc lưu kho của lô hàng lỗi.</p> <p>3. Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh bình thường của Bên A trong thời gian chờ xử lý sự cố/ sửa chữa/ thay thế hàng hóa mới, Bên B có trách nhiệm cho Bên A mượn hàng hóa tương đương trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được thông báo bằng điện thoại/email/văn bản của Bên A.</p> <p>4. Toàn bộ các phí, chi phí liên quan đến việc xử lý sự cố, đóng gói, gửi/nhận, thay thế, sửa chữa, bổ sung, lấy lại hàng hóa hoặc cung cấp hàng hóa mới tương đương, bao gồm nhưng không giới hạn giá hàng hóa, đóng gói, chi phí vận chuyển trong nước và quốc tế, thuế, bảo hiểm, chi phí hải quan,... sẽ do Bên B chịu. Địa điểm bàn giao hàng hóa hỏng/lỗi sẽ là địa điểm tại các Tổng kho của Bên A hoặc một địa điểm khác do Bên A chỉ định tại [ghi địa điểm bàn giao]</p>
<p>E-ĐKC 27.7 (d)</p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 20% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>

Phần 3B. THỎA THUẬN KHUNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN KHUNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Thỏa thuận khung” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại;</p> <p>1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT.</p>
2. Tài liệu thỏa thuận khung và	<p>2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Thỏa thuận</p>

<p>thứ tự ưu tiên</p>	<p>khung để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Thỏa thuận khung được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Thỏa thuận khung, kèm theo các phụ lục;</p> <p>b) E-ĐKCT đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện thỏa thuận khung (nếu có);</p> <p>c) Biên bản hoàn thiện thỏa thuận khung;</p> <p>d) E-ĐKC;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSĐT;</p> <p>g) E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT (nếu có) của Nhà thầu;</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Thông báo</p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật</p>

	<p>Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p>
<p>6. Ký hợp đồng thầu phụ</p>	<p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.</p>
<p>7. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có</p>

	thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT .
8. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.
9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc Mẫu số 01B (đối với hợp đồng theo đơn giá) hoặc Mẫu số 01C (đối với hợp đồng hỗn hợp) và Mẫu số 01D Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại E-ĐKCT .
10. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 E-ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại E-ĐKCT . 11.2. Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.
12. Thuế, phí, lệ phí	12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư. 12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
13. Tạm ứng	13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT , sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp

	<p>luật Việt Nam.</p> <p>13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.</p>
14. Thanh toán	<p>14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Điều 10 E-ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.</p> <p>14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.</p>
15. Quyền tác giả	<p>15.1. Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.</p> <p>15.2. Quyền khác theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến thỏa thuận khung	<p>16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu</p>

	<p>và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. <p>16.4. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>16.5. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn</p>	<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.</p>
<p>18. Đóng gói hàng hóa</p>	<p>18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và</p>

	<p>trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.</p> <p>18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở E-ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.</p>
19. Bảo hiểm	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại E-ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	<p>20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại E-ĐKCT:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa; b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa; c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa; d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này; đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa. <p>20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.</p>
21. Phạt và bồi thường thiệt hại	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>

<p>22. Bảo hành</p>	<p>22.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu.</p> <p>22.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.</p> <p>22.3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>22.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.</p> <p>22.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.</p> <p>22.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.</p>
<p>23. Bồi thường vi phạm sáng chế</p>	<p>23.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 23.2 E-ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:</p> <p>a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam;</p>

	<p>b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.</p> <p>Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.</p> <p>23.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 23.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.</p> <p>23.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết.</p> <p>23.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.</p> <p>23.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.</p>
24. Thay đổi liên quan đến pháp lý	Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc

	<p>tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại hợp đồng.</p>
<p>25. Bất khả kháng</p>	<p>25.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>25.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>25.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>25.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyên cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực</p>

	<p>tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>25.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p>26. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>26.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 E-ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>26.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 25 E-ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21 E-ĐKC.</p>
<p>27. Chấm dứt thỏa thuận khung</p>	<p>27.1. Chấm dứt thỏa thuận khung do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ thỏa thuận khung mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm thỏa thuận khung khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong thỏa thuận khung trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng ký với các đơn vị có nhu cầu mua sắm, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo thỏa thuận khung, hợp đồng;</p> <p>(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện thỏa thuận khung, hợp đồng;</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ thỏa thuận khung theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như</p>

	<p>các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần thỏa thuận khung không bị chấm dứt.</p> <p>27.2. Chấm dứt thỏa thuận khung do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt thỏa thuận khung vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, thỏa thuận khung sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt thỏa thuận khung không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.</p>
28. Hạn chế xuất khẩu	<p>Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA THỎA THUẬN KHUNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: ___ [ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm].
E-ĐKC 2.2	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của thỏa thuận

(i)	khung:___ [<i>liệt kê tài liệu</i>].
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận:___ [<i>ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có</i>]. - Địa chỉ:___ [<i>ghi đầy đủ địa chỉ</i>]. - Điện thoại:___ [<i>ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố</i>]. - Fax:___ [<i>ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố</i>]. - Địa chỉ email:___ [<i>ghi địa chỉ email (nếu có)</i>].
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___% giá hợp đồng [<i>ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng</i>].
E-ĐKC 6.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ:___ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].</p>
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải:___ [<i>ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa</i>].</p> <p>Giải quyết tranh chấp:___ [<i>ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp (toà án, trọng tài), chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...</i>].</p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây:___ [<i>ghi tên các tài liệu, chứng từ cần có, ví dụ: hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ vận tải, giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất, chứng nhận kiểm định của cơ quan kiểm định, danh mục hàng hóa đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng...</i>].</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	<p>Loại hợp đồng:___ [<i>ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt</i>].</p>
E-ĐKC 11.2	<p>Giá hợp đồng: ___ [<i>ghi “Cố định” đối với hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc “được trượt giá” đối với hợp</i></p>

đồng theo đơn giá điều chỉnh phù hợp với loại hợp đồng quy định tại Mục 11.1 E-ĐKCT].

Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì trượt giá hợp đồng được thực hiện bằng cách điều chỉnh đơn giá hoặc tính trượt giá của hợp đồng như sau:

- Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 26 **E-ĐKC**. Không điều chỉnh đơn giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng;

- Giá hợp đồng sẽ được tính trượt giá trong thời gian thực hiện gói thầu nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc tính trượt giá sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể _____ *[nêu rõ công thức tính trượt giá]*.

[Ví dụ về công thức tính trượt giá:]

$$P_1 = P_0 \left[a + \frac{bL_1}{L_0} + \frac{cM_1}{M_0} \right] - P_0$$

$$a+b+c = 1$$

Trong đó:

P_1 = *Giá phải trả cho nhà thầu sau khi tính trượt giá*

P_0 = *Giá hợp đồng (giá cơ bản)*

a = *Yếu tố cố định thể hiện lợi nhuận và phí quản lý chung được gộp vào trong giá hợp đồng, thông thường trong khoảng từ 5% đến 15%.*

b = *Ước tính tỷ lệ của chi phí lao động (nhân công) trong giá hợp đồng*

c = *Ước tính tỷ lệ của chi phí vật tư trong giá hợp đồng*

L_0, L_1 = *Lần lượt là chỉ số giá nhân công áp dụng cho ngành sản xuất hàng hóa tại nước xuất xứ của hàng hóa vào ngày cơ bản và ngày trượt giá*

M_0, M_1 = *Lần lượt là chỉ số giá vật tư vào ngày cơ bản và ngày trượt giá tại nước xuất xứ của hàng hóa*

Trong HSĐT, Nhà thầu phải ghi rõ nguồn trích dẫn các chỉ số

	<p>đó, nguồn thông tin tỷ giá (nếu phù hợp) và giá trị các chỉ số vào ngày cơ bản.</p> <p>Các hệ số a, b, và c sẽ do Chủ đầu tư xác định như sau:</p> <p>$a = [\text{ghi giá trị hệ số}]$</p> <p>$b = [\text{ghi giá trị hệ số}]$</p> <p>$c = [\text{ghi giá trị hệ số}]$</p> <p>Ngày cơ bản = 28 ngày trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>Ngày trượt giá = $[\text{ghi số tuần}]$ tuần trước ngày giao hàng lên tàu (thường tương ứng với thời điểm khi quá trình sản xuất đã hoàn thành một nửa).</p> <p>Điều kiện thực hiện trượt giá:</p> <p>(i) Không được phép tính trượt giá ngoài thời hạn giao hàng gốc. Thông thường, trượt giá không được áp dụng cho khoảng thời gian chậm trễ mà Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm.</p> <p>(ii) Nếu đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 không phải là đồng tiền ghi chỉ số giá nhân công và vật tư thì sẽ áp dụng một hệ số quy đổi để tránh sai sót khi tính trượt giá hợp đồng. Hệ số quy đổi được tính như sau:</p> $Z = Z_0/Z_1$ <p>Trong đó:</p> <p>$Z_0 =$ Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 vào ngày cơ bản;</p> <p>$Z_1 =$ Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 vào ngày trượt giá.</p> <p>(iii) Số tiền tương ứng với khoản thanh toán tạm ứng cho Nhà thầu sẽ không được tính trượt giá].</p>
<p>E-ĐKC 12.3</p>	<p>Điều chỉnh thuế: ___ [ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].</p>

E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng: ____ [ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng...phù hợp quy định của pháp luật. Nhà thầu xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 19 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Đối với việc sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn, một số vật liệu phải dự trữ theo mùa thì trong hợp đồng phải nêu rõ về kế hoạch tạm ứng và mức tạm ứng để bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng].</p>
E-ĐKC 14.2	<p>Phương thức thanh toán: ____ [căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Nhà thầu có thể quy định thanh toán bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế].</p>
E-ĐKC 15.2	<p>Quyền: ____ [trường hợp gói thầu hàng hóa cần có quy định về quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, nhà thầu về quyền tác giả và các quyền khác thì chủ đầu tư quy định rõ tại Mục này]</p>
E-ĐKC 18.2	<p>Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: ____ [ghi yêu cầu cụ thể về cách thức đóng gói, ghi chú trên bao bì và các giấy tờ cần thiết].</p>
E-ĐKC 19	<p>Nội dung bảo hiểm: ____ [ghi quy định cụ thể về bảo hiểm, bao gồm phạm vi bảo hiểm, loại đồng tiền và số tiền bảo hiểm].</p>
E-ĐKC 20.1	<p>Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: [Chủ đầu tư hoặc ghi “Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng”; hoặc đưa ra các điều khoản thương mại khác mà hai bên đã thống nhất (trong đó có quy định trách nhiệm tương</p>

	<i>ứng của Chủ đầu tư và Nhà thầu)].</i>
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: _____ <i>[mô tả cụ thể các dịch vụ].</i>
E-ĐKC 21	<p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.</i> - <i>Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> - <i>Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> <p>1. <i>Phạt vi phạm hợp đồng : _____ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng].</i></p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p><i>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : _____%/tuần (hoặc ngày, tháng...) [ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm] cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến _____% [ghi mức phạt tối đa]. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt thỏa thuận khung theo quy định tại Mục 27 E-ĐKC.</i></p> <p>2. <i>Bồi thường thiệt hại: _____ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].</i></p> <p><i>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.</i>
E-ĐKC 22.3	<p>Thời hạn bảo hành là: _____ ngày <i>[ghi số ngày].</i></p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: _____ <i>[ghi tên một hoặc một số địa điểm].</i></p> <p><i>Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ</i></p>

	<p><i>thể. Đối với các loại hàng hóa đơn giản thì yêu cầu Nhà thầu có phiếu bảo hành kèm theo, trong đó nêu rõ thời gian và trách nhiệm bảo hành của Nhà thầu. Đối với các loại hàng hóa phức tạp thì ngoài việc có phiếu bảo hành kèm theo còn phải quy định Chủ đầu tư giữ lại một phần giá trị của hợp đồng để bảo đảm nghĩa vụ bảo hành hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng. Trong trường hợp này, cần quy định cụ thể giá trị khoản tiền giữ lại và thời hạn hoàn trả cho Nhà thầu (ví dụ sẽ hoàn trả lại cho Nhà thầu khi hai bên thanh lý hợp đồng).</i></p>
<p>E-ĐKC 22.5 E-ĐKC 22.6</p>	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là: _____ ngày [ghi số ngày].</p>

Chương VIII.
THỎA THUẬN KHUNG ĐIỆN TỬ¹

Số:

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ...

Căn cứ E-HSMT, E-HSDT và kết quả lựa chọn nhà thầu...

Hôm nay, ngày tháng năm__*[Hệ thống tự động trích xuất]*, chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung:

Tên Đơn vị mua sắm tập trung:_____ *[Hệ thống trích xuất]*

Địa chỉ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Điện thoại: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Fax: _____

E-mail: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Tài khoản: _____ *[Chủ đầu tư điện thông tin]*

Mã số thuế: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Chức vụ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

II. Nhà thầu cung cấp hàng hóa:

1. Tên nhà thầu: _____ *[Đơn vị mua sắm tập trung điện thông tin]*

Địa chỉ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Điện thoại: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Fax: _____

E-mail: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Chức vụ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

2. Tên nhà thầu: _____ *[Đơn vị mua sắm tập trung điện thông tin]*

¹ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận khung theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện thỏa thuận khung có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

....

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận khung mua sắm tập trung với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất và đơn vị mua sắm tập trung được chỉnh sửa*]

Danh mục, số lượng hàng hóa (*ký, mã hiệu, xuất xứ của hàng hóa theo biểu phạm vi cung cấp*).

Điều 2. Danh sách các đơn vị có nhu cầu mua sắm ký hợp đồng với nhà thầu theo thỏa thuận khung này: _____ [*Đơn vị mua sắm tập trung điện thông tin*].

Điều 3. Giá trị thỏa thuận khung:

1. Giá trị thỏa thuận khung: _____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*].

2. Đơn giá, giá hàng hóa tương ứng với từng loại hàng hóa tại Điều 1 của Hợp đồng: _____ [*Hệ thống trích xuất và cho phép Đơn vị mua sắm tập trung chỉnh sửa*].

Điều 4. Phương thức thanh toán

Phương thức thanh toán: _____ [*Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT của thỏa thuận khung và cho phép đơn vị mua sắm tập trung chỉnh sửa*].

Điều 5. Thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

Thỏa thuận khung này được làm thành bản có giá trị pháp lý như nhau; Đơn vị mua sắm tập trung, Nhà thầu cung cấp hàng hóa (mỗi bên giữ 02 bản); đơn vị có nhu cầu mua sắm (mỗi bên 01 bản).

Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm ký hợp đồng mua sắm hàng hóa với nhà thầu cung cấp hàng hóa./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG
CẤP HÀNG HÓA**
(*xác nhận, chữ ký số*)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM
TẬP TRUNG**
(*xác nhận, chữ ký số*)

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 16 (Webform trên Hệ thống)

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là ____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày__ tháng__ năm__⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

Mẫu số 17A CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 ;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Địa chỉ : Số 1 Giang Văn Minh - Phường Kim Mã - Quận Ba Đình - Hà Nội.

Mã số thuế : 0104753865

Điện thoại : (024) 62661155

Fax: (024) 62751783

Tài khoản số : 059112222266

Tại : Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Ba Đình - Hà Nội.

Đại diện là : Ông

Chức vụ:

(Theo Ủy quyền số))

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu : _____

Địa chỉ : _____

Điện thoại : _____

Fax : _____

E-mail : _____

Tài khoản : _____

Mã số thuế : _____

Đại diện là ông/bà : _____

Chức vụ : _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy

quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau :

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa, *dịch vụ liên quan [với trường hợp phạm vi cung cấp có dịch vụ liên quan]* được nêu chi tiết tại Phụ lục 1 [*ghi tên Phụ lục ứng với số thứ tự phụ lục nêu tại Mục 1 của Điều 2 dưới đây*] kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau :

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
 - *Phụ lục 1: Danh mục hàng hóa và giá cả*
 - *Phụ lục 2: Phụ lục về kỹ thuật (chỉ tiêu kỹ thuật, mô tả hàng hóa, catalog, ...)*
 - *Phụ lục 3: Phụ lục về nghiệm thu hàng hóa*
 - *Phụ lục 4: Tiến độ, địa điểm thực hiện hợp đồng*
 - *Phụ lục 5: Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật.*
 - *Phụ lục 6: Đào tạo (nếu có)*
 - *Phụ lục 7: Các biểu mẫu*
 - *E-DKCT của hợp đồng;*
 - *E-DKC của hợp đồng;*
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa, *dịch vụ liên quan [với trường hợp phạm vi cung cấp có dịch vụ liên quan]* như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng:

Ngoài ra, Bên B có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

- *Trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin: Tất cả các hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng này*

phải đảm bảo không có khả năng cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, an ninh mạng, cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam và trên thế giới. Trường hợp Bên A hoặc cơ quan nhà nước phát hiện bất kỳ sản phẩm nào của hãng sản xuất thiết bị, phần mềm của Bên B gây ra hoặc có nguy cơ cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, mất an toàn cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam hoặc trên thế giới, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng và Bên B phải chịu các chế tài theo quy định tại Hợp đồng. Bên B chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và phí tổn liên quan [Áp dụng đối với các loại hàng hóa có nguy cơ mất an toàn thông tin, an ninh mạng].

- Bên B có trách nhiệm cùng Bên A ký Biên bản thanh lý và quyết toán hợp đồng trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Hai bên ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC) với điều kiện Bên B đã hoàn thành trách nhiệm xử lý các khoản phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng này. Biên bản thanh lý quyết toán hợp đồng sẽ nêu rõ các nghĩa vụ hoàn thành của các bên và các nghĩa vụ còn lại (nếu có) như nghĩa vụ bảo hành và các cam kết cho tương lai, các nghĩa vụ thực hiện thanh toán nốt theo quy định của Hợp đồng. Nếu quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày Hai bên ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC) mà Bên B vẫn không giải quyết dứt điểm các khoản phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) thì coi như Bên B đồng ý với khoản phạt, bồi thường đó và chấp nhận các quyết định và hình thức xử lý vi phạm của Bên A.
- Trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt một phần hoặc toàn bộ do Bên B vi phạm Hợp đồng như quy định tại Mục 29 E-ĐKC, Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Bên A như quy định tại Mục 22 E-ĐKC và Mục 22 E-ĐKCT, phải trả lại cho Bên A các khoản tiền mà Bên A đã thanh toán cho Bên B (nếu có) đối với phần bị chấm dứt. Sau đó, Bên B có trách nhiệm lấy lại hàng hóa bị chấm dứt theo Hợp đồng tại kho/địa điểm chỉ định của Bên A. Đối với phần Hợp đồng không bị chấm dứt (nếu có), hai bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng.
- Khi Bên B vi phạm Hợp đồng và phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại và/hoặc phạt vi phạm, Bên A có quyền gửi giấy đòi tiền bồi thường thiệt hại và/hoặc phạt vi phạm cho Bên B. Bên B có trách nhiệm trả tiền bồi thường và/hoặc phạt vi phạm trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được giấy đòi tiền hoặc Bên A sẽ khấu trừ các khoản bồi thường và/hoặc phạt vi phạm đó từ khoản phải trả cho Bên B.
- Bên B cam kết và bảo đảm rằng:
Bên B - bao gồm nhưng không giới hạn: toàn bộ thành viên, nhân viên thuộc Công ty, các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đại lý, đại diện, nhà thầu phụ của Công ty hoặc bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định, liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không trực tiếp, gián tiếp đưa các lợi ích vật chất và/hoặc hứa hẹn, cam kết, bảo đảm đưa các khoản lợi ích vật chất cho bất kỳ thành viên hoặc đại diện nào của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng, không minh bạch.

Bên B phải thông báo ngay cho Bên A nếu phát hiện bất kỳ hành vi đòi các khoản lợi ích của nhân viên hoặc người đại diện cho Bên A.

Trong trường hợp Bên B vi phạm những quy định này thì Bên A có quyền áp dụng một hoặc đồng thời các biện pháp, chế tài phù hợp bao gồm nhưng không giới hạn:

- + Đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì, phạt Bên B vi phạm Hợp đồng. Khi đó, mọi chi phí phát sinh và thiệt hại (nếu có) do Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Hợp đồng.
- + Hủy kết quả đấu thầu và đưa Bên B vào danh sách các Bên B cần phải kiểm soát khi tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ/ hàng hóa khác hoặc không được tham gia chào thầu Cung cấp dịch vụ/ hàng hóa cho Bên A.
- + Bên B phải bồi thường cho Bên A và chịu trách nhiệm đối với bất kỳ và tất cả các tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm và/hoặc khiếu nại (kể cả tiền phạt và hình thức phạt của Nhà nước) mà Bên A phải chịu. Ngoài ra, Bên B sẽ phải trả cho Bên A một khoản tiền phạt với mức cao nhất mà pháp luật quy định, mức phạt tối thiểu bằng 150.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi triệu đồng)/ lần vi phạm.
- + Ngoài ra, Bên A sẽ xem xét mức độ nghiêm trọng và sẽ đề nghị khởi tố theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Miễn trừ: Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi đưa các lợi ích vật chất của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi này của Bên B.

- [Trong trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh]: Nghĩa vụ của các thành viên trong liên danh tại toàn bộ Hợp đồng là nghĩa vụ liên đới, theo đó, Bên A có quyền yêu cầu bất cứ thành viên nào thuộc liên danh phải thực hiện một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại.

[Lưu ý: Tùy thuộc vào tính chất và đặc điểm của từng gói thầu, đơn vị có thể bổ sung các trách nhiệm khác của Nhà thầu sao cho phù hợp trên nguyên tắc không trái với quy định của E-HSMT hoặc không được làm tăng chi phí của gói thầu.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. **Giá hợp đồng:** VNĐ

Bằng chữ:

2. **Phương thức thanh toán:** Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Ghi loại hợp đồng tương ứng với KHLCNT]*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSMT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]

[Lưu ý : Khi hoàn thiện Hợp đồng phải nêu cụ thể tiến độ giao hàng, dịch vụ liên quan và các mốc thực hiện khác (nếu có). Tiến độ thực hiện hợp đồng được thể hiện chi tiết ở Phụ lục 4 với tổng tiến độ không vượt quá thời gian thực hiện hợp đồng].

Điều 8: BẢO MẬT THÔNG TIN

Các bên cam kết rằng, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng này và sau khi hợp đồng này chấm dứt, các bên sẽ tuyệt đối bảo mật các thông tin mật (“Thông Tin Mật”). Theo đó, các bên không được tiết lộ Thông Tin Mật cho bất kỳ bên nào khác, dù là trực tiếp hay gián tiếp, cố ý hay vô ý, trong bất kỳ tình huống nào, khi không được sự đồng ý của bên còn lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Thông Tin Mật theo hợp đồng này được hiểu là các thông tin bao gồm và không giới hạn các điều khoản của hợp đồng này và/hoặc các thông tin, dữ liệu, văn bản được tạo ra do liên quan đến hoặc phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng, các thông tin, dữ liệu, văn bản được một bên cung cấp cho bên còn lại cho dù dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện hợp đồng này. Ngoài ra, Thông Tin Mật còn bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin liên quan đến: bí mật công nghệ; bí quyết thương mại; pháp lý về mỗi bên hoặc pháp lý dự án; bất kỳ nội dung nào của dự án hoặc hợp đồng; quá trình thực hiện hợp đồng (bao gồm và không giới hạn thông tin về công trường, quá trình thi công, mặt bằng hiện trường, nhật ký thi công, biên bản bàn giao, nghiệm thu, thanh toán,..); các giao dịch có liên quan nhằm phục vụ dự án hoặc hợp đồng (như tư vấn, giám sát, đăng ký, bảo lãnh, định giá, kiểm định,..); thông tin về nhân sự và hoạt động quản trị, điều hành của mỗi bên; các quá trình có thể phát sinh từ việc thực hiện dự án hoặc hợp đồng như giải thích, khiếu nại, thanh kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính, hình sự, tranh chấp, giải quyết tranh chấp, thi hành án, ... của các bên.

Nghĩa vụ bảo mật Thông Tin Mật không áp dụng đối với trường hợp pháp luật có quy định buộc phải tiết lộ, theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc một bên yêu cầu bên còn lại tiết lộ cho bên thứ ba được chỉ định. Trước khi tiết lộ, bên tiết lộ có nghĩa vụ ngay lập tức thông báo cho bên kia về việc tiết lộ Thông Tin Mật.

Bên vi phạm phải chịu bồi thường đối với toàn bộ thiệt hại phát sinh và các chi phí liên quan là một khoản tiền không thấp hơn giá trị hợp đồng này.

Điều khoản bảo mật này hoàn toàn độc lập với hợp đồng. Việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện được, không làm mất hiệu lực của Điều khoản bảo mật.

Hotline: 18009377

Điều 9: NHẬN DIỆN RỦI RO CỦA NHÀ THẦU

Bên Bán có trách nhiệm thực hiện nhận diện toàn bộ rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng và kích hoạt các biện pháp ứng phó tương ứng tại Phụ lục nhận diện rủi ro và biện pháp ứng phó rủi ro.

Trong quá trình thực hiện công việc, Bên Bán có trách nhiệm triển khai biện pháp ứng phó ngay khi xảy ra các tình huống rủi ro đã được nhận diện. Trường hợp không thực hiện triển khai hoặc chậm trễ triển khai được coi là vi phạm hợp đồng.

Hậu quả của việc vi phạm:

Chậm triển khai sẽ bị phạt tương ứng như chậm tiến độ hợp đồng.

Bồi thường toàn bộ thiệt hại nếu để xảy ra thiệt hại và VCC có quyền truy đòi Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

VCC có quyền tạm dừng tạm ứng/thanh toán cho đến khi Bên Bán triển khai và khắc phục thiệt hại. Bên Bán có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng.

Trường hợp do vi phạm của Bên Bán về điều khoản này, VCC có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng cách thông báo trước cho Bên Bán 5 ngày trước ngày chấm dứt.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký và đóng dấu và Chủ đầu tư nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng như quy định tại Mục 5 E-ĐKC và Mục 5.1, 5.3 E-ĐKCT.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng theo luật định.
3. Nếu có những điểm trong Hợp đồng này mất hiệu lực pháp lý thì phần còn lại của Hợp đồng vẫn có hiệu lực ràng buộc các bên.
4. Mọi sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung cho Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai bên. Phụ lục sửa đổi Hợp đồng sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai bên ký.
5. *Hai bên thống nhất các quy định về An toàn thông tin (nếu có), Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng, Quyền tác giả, Bồi thường vi phạm sáng chế, Luật áp dụng, Giải quyết tranh chấp sẽ duy trì hiệu lực áp dụng kể cả khi Hợp đồng đã thanh lý hoặc chấm dứt trong bất kỳ trường hợp nào.*

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Chủ đầu tư giữ 03 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU
TU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

PHỤ LỤC 1 - BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

TT	Danh mục hàng hóa	Hãng/ Xuất xứ	ĐV	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1						
2						
3						
...						
...						
	Cộng giá trị chưa bao gồm thuế					
	Thuế GTGT (...%)					
	Cộng giá trị đã bao gồm thuế					

(Bảng chữ: /.)

PHỤ LỤC 2: PHỤ LỤC VỀ KỸ THUẬT

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

PHỤ LỤC 3: PHỤ LỤC VỀ NGHIỆM THU HÀNG HÓA

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)
[Điều chỉnh theo quy trình lấy mẫu, kiểm tra hàng hóa (KCS) hiện hành]

Phụ lục 3.1. Quy trình tổ chức bàn giao, kiểm tra hàng hóa

I. Kiểm tra, bàn giao hàng hóa

1. Kiểm tra bàn giao:

Khi giao nhận hàng, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa/thiết bị đến kho hoặc địa điểm chỉ định của Chủ đầu tư để tiến hành kiểm tra và bàn giao hàng hoá với Chủ đầu tư.

Đại diện của Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ có trách nhiệm lắp dựng thử hàng hóa (khi Bên Mua yêu cầu), kiểm tra về chủng loại, số lượng, tình trạng ngoại quan, nhãn mác, serial (nếu có) và tiến hành bàn giao hàng hóa của mỗi lô hàng. Kết quả kiểm tra, bàn giao hàng hóa sẽ được ghi nhận trong *Biên bản bàn giao hàng hóa (sơ bộ)* của mỗi lô hàng và được ký bởi đại diện giao nhận của hai bên. Biên bản bàn giao này sẽ là chứng từ pháp lý trong trường hợp xảy ra khiếu nại (hàng hóa bị hư hỏng, thiếu hụt – nếu có).

2. Kiểm tra KCS

2.1. Nội dung kiểm tra

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hàng hóa của mỗi lô hàng được bàn giao tại kho/địa điểm của Chủ đầu tư, đại diện của hai bên sẽ tiến hành kiểm tra (KCS) lô hàng. Nội dung kiểm tra như sau:

- Bên Bán có trách nhiệm lắp dựng thử hàng hóa (khi Bên Mua yêu cầu).
- Chủng loại, số lượng, xuất xứ, hãng sản xuất, năm sản xuất, số serial (nếu có), quy cách hàng hoá;
- Chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại Phụ lục 2.
- Chứng từ giao hàng.

2.2. Nguyên tắc lấy mẫu

Chủ đầu tư có quyền lựa chọn ngẫu nhiên số lượng hàng hóa từ mỗi lô hàng Nhà thầu giao (gọi tắt là “Hàng mẫu KCS”) để kiểm tra chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật.

2.2.1. Kiểm tra KCS tại kho/Địa điểm quy định của Chủ đầu tư:

Số lượng mẫu KCS và số lượng lỗi theo cho phép tham chiếu theo Bảng giới hạn nghiệm thu chất lượng - Acceptance Quality Limit (sau đây gọi là Bảng AQL) dưới đây:

TT	Số lượng hàng hóa trong 1 lô cần kiểm tra	Số lượng mẫu quy đổi							Số lượng lỗi cho phép/lô hàng
		Mức kiểm tra đặc biệt (SIL)				Mức độ kiểm tra chung (GIL)			
		S-1	S-2	S-3	S-4	I	II	III	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	2 ÷ 8	2	2	2	2	2	2	3	0
2	9 ÷ 15	2	2	2	2	2	3	5	0

TT	Số lượng hàng hóa trong 1 lô cần kiểm tra	Số lượng mẫu quy đổi							Số lượng lỗi cho phép/lô hàng
		Mức kiểm tra đặc biệt (SIL)				Mức độ kiểm tra chung (GIL)			
		S-1	S-2	S-3	S-4	I	II	III	
3	16 ÷ 25	2	2	3	3	3	5	8	0
4	26 ÷ 50	2	3	3	5	5	8	13	0
5	51 ÷ 90	3	3	5	5	5	13	20	0
6	91 ÷ 150	3	3	5	8	8	20	32	0
7	151 ÷ 280	3	5	5	13	13	32	50	0
8	281 ÷ 500	3	5	8	13	20	50	80	0
9	501 ÷ 1.200	5	5	8	20	32	80	125	≤1
10	1.201 ÷ 3.200	5	8	13	32	50	125	200	≤1
11	3.201 ÷ 10.000	5	8	13	32	80	200	315	≤2
12	10.001 ÷ 35.000	5	8	20	50	125	315	500	≤3
13	35.001 ÷ 150.000	8	13	32	80	200	500	800	≤5
14	150.001 ÷ 500.000	8	13	32	80	315	800	1250	≤7
15	≥ 500.001	8	13	50	125	500	1250	2000	≤10

Ghi chú:

- *Mức kiểm tra đặc biệt (SIL): Áp dụng với các chỉ tiêu đặc biệt (phải đi thí nghiệm hoặc phá hủy mẫu khi test), thường sử dụng S-1.*

- *Mức kiểm tra chung (GIL): Áp dụng với các chỉ tiêu thông thường, thường sử dụng GIL II*

- *Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể áp dụng các mức kiểm tra S-2, S-3, S-4, GIL III.*

2.2.2. Kiểm tra tại các tổ chức đo kiểm bên ngoài: (nếu có theo yêu cầu kỹ thuật)

- Đối với các chỉ tiêu kỹ thuật cần đo kiểm tại tổ chức hoặc bên thứ ba có chức năng đo kiểm (sau đây gọi tắt là ‘Tổ chức đo kiểm bên ngoài’), Chủ đầu tư lựa chọn số lượng mẫu thử nghiệm tại Bảng AQL (SIL) để đo kiểm, thử nghiệm.
- Tổ chức đo kiểm bên ngoài là các đơn vị có năng lực được chỉ định bởi Chủ đầu tư theo thứ tự ưu tiên như sau: **(1)** Đơn vị có chứng chỉ ISO/IEC 17025; **(2)** Đơn vị không có chứng chỉ ISO/IEC 17025 nhưng được Bộ chủ quản công nhận năng lực thử nghiệm; **(3)** Đơn vị không có chứng chỉ ISO/IEC 17025 nhưng có phương tiện đo/công cụ đảm bảo năng lực đo kiểm/thử nghiệm.
- Đối với các chỉ tiêu kỹ thuật có bài đo phá hủy (bài đo gây phá hủy hoặc làm thay đổi tính chất, chất lượng của hàng hóa) dẫn đến hàng hóa bị hỏng sau khi thử nghiệm, không đảm bảo chất lượng đưa vào sử dụng thì Nhà thầu có trách nhiệm cấp bù số lượng hàng hóa tương ứng cho Chủ đầu tư.

2. Xử lý kết quả kiểm tra và bàn giao

2.1. Trường hợp số lượng lỗi cho phép/lô hàng không đáp ứng Bảng AQL (Cột số (10)), Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục, hoặc bổ sung hoặc thay thế toàn bộ lô hàng có lỗi đó không chậm hơn thời hạn giao hàng theo quy định tại Hợp đồng.

- 2.2. Trong mọi trường hợp, ngày Chủ đầu tư nhận được hàng hóa thay thế/bổ sung/khắc phục chậm trễ so với thời hạn giao hàng quy định, Nhà thầu sẽ chịu phạt giao chậm như quy định tại Mục 22 E-ĐKC và E-ĐKCT.
- 2.3. Sau khi nhận được lô hàng thay thế/bổ sung/khắc phục, Chủ đầu tư thực hiện kiểm tra lại theo quy định tại Mục I.2 - Kiểm tra KCS.
Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy hàng hoá của lô hàng thay thế hoặc bất cứ lô hàng tiếp theo nào vẫn không đáp ứng số lượng lỗi cho phép/lô hàng theo Bảng AQL hoặc thời gian Nhà thầu khắc phục/thay thế vượt quá 40 ngày so với thời gian giao hàng quy định tại Hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ hàng hóa/thiết bị của Nhà thầu và chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Nhà thầu chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 E-ĐKC, Mục 22 E-ĐKCT và Điều 4 của văn bản Hợp đồng.
- 2.4. Trường hợp số lượng lỗi cho phép/lô hàng đáp ứng Bảng AQL, Chủ đầu tư sẽ chấp nhận lô hàng. Nhà thầu có trách nhiệm thay thế hàng lỗi (nếu có) bằng hàng hóa đáp ứng quy định của Hợp đồng.
3. **Ký Biên bản bàn giao hàng hóa tổng thể (HOC)**
HOC sẽ được ký (chữ ký điện tử/chữ ký số được chấp nhận) và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hoàn thành kiểm tra (là ngày Biên bản KCS được ký duyệt) toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được đúng, đủ toàn bộ hàng hoá và chứng từ phù hợp theo quy định tại Hợp đồng.

II. Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC)

Sau khi Biên bản bàn giao hàng hóa (HOC) được hai Bên ký và đóng dấu, Bên A có trách nhiệm triển khai lắp đặt hàng hóa tại địa điểm của mình. Khi được Bên A yêu cầu, Bên B sẽ cử kỹ sư và nhân viên có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa cùng chuyên gia của hãng đến để phối hợp, hướng dẫn, đào tạo nhân viên kỹ thuật của Bên A trong suốt quá trình trên. Hai Bên sẽ kiểm tra, đo các thông số kỹ thuật, tính đồng bộ, khả năng khai thác sử dụng các tính năng của hàng hóa theo yêu cầu của Hợp đồng (nếu có).

Nếu kết quả lắp đặt, đo kiểm và kiểm tra, vận hành chứng tỏ rằng hàng hoá không phù hợp (không phải do lỗi của Bên A, việc xác minh lỗi tuân thủ theo quy trình tại Phụ lục 3.2, 3.3) với Hợp đồng (hỏng, thiếu và/hoặc hoạt động không ổn định và/hoặc không đáp ứng theo các tiêu chí kỹ thuật quy định trong hợp đồng và/hoặc tỷ lệ lỗi của hàng hóa cao hơn tỷ lệ lỗi cam kết tại Phụ lục 3.2), Bên A có quyền lựa chọn:

- (i) Từ chối hàng hoá đã nhận và Bên B phải trả lại cho Bên A các khoản tiền mà Bên A đã thanh toán cho Bên B và Bên B phải chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 E-ĐKC, Mục 22 E-ĐKCT và Điều 4 của văn bản Hợp đồng. Hoặc:
- (ii) Yêu cầu Bên B bổ sung hoặc thay thế hàng hoá lỗi hoặc thay thế toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng bằng hàng hóa mới theo quy định tại Khoản 2 Mục 23.5, E-23.6 ĐKCT, đồng thời chịu phạt vi phạm chất lượng bằng tám phần trăm (8%)

tổng giá trị phần hàng hóa vi phạm. Trong trường hợp Bên B chậm bổ sung/ thay thế hàng hóa lỗi hoặc sau khi bổ sung/thay thế mà hàng hoá không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định trong Hợp đồng, Bên A có quyền từ chối hàng hóa của Bên B và huỷ Hợp đồng. Trong trường hợp huỷ Hợp đồng, Bên B phải chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 E-ĐKC, Mục 22 E-ĐKCT và Điều 4 của văn bản Hợp đồng.

Nếu kết quả kiểm tra xác định hàng hoá phù hợp với quy định tại Hợp đồng, **Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC)** sẽ được ký (chữ ký điện tử/chữ ký số được chấp nhận) và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày biên bản bàn giao hàng hóa (HOC) được ký kết với điều kiện Nhà thầu đã hoàn thành hết các phạm vi công việc khác theo quy định của Hợp đồng (nếu có);

III. Các nội dung khác

Bất cứ thời điểm nào trong quá trình đánh giá kiểm tra kỹ thuật nêu trên, Chủ đầu tư phát hiện và xác định hàng hoá không phù hợp như quy định của Hợp đồng, Nhà thầu bằng chi phí của mình, có trách nhiệm khắc phục, bổ sung hoặc sửa chữa/thay thế hàng hoá lỗi hoặc thay thế toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng bằng hàng hóa đáp ứng quy định của Hợp đồng trong thời gian thực hiện như quy định tại Hợp đồng. Trong mọi trường hợp, nếu thời gian khắc phục lỗi của Nhà thầu chậm so với tiến độ theo quy định thì Nhà thầu sẽ chịu phạt chậm như quy định tại Mục 22 E-ĐKC và Mục 22 E-ĐKCT của Hợp đồng.

Trong mọi trường hợp khi có sự cố phát sinh, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải liên hệ với Chủ đầu tư hoặc cử kỹ sư có kinh nghiệm hoặc chuyên gia của hãng đến cùng tìm nguyên nhân (nếu có yêu cầu của Chủ đầu tư), đề xuất phương án giải quyết, khắc phục để hạn chế thiệt hại cho các bên trong vòng 48h kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

Trong tất cả các trường hợp, các thiết bị được khắc phục/sửa chữa/thay thế/bổ sung sẽ được kiểm tra lại. Sau khi khắc phục/sửa chữa/bổ sung/thay thế mà hàng hoá vẫn không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định trong Hợp đồng; hoặc Nhà thầu khắc phục vượt quá **40 ngày** so với tiến độ thực hiện Hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Nhà thầu chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 E-ĐKC và Mục 22 E-ĐKCT và Điều 4 của văn bản Hợp đồng.

Phụ lục 3.2. Tỷ lệ lỗi/ hỏng của hàng hóa trong thời gian chạy thử/ bảo hành

1. Định nghĩa Tỷ lệ lỗi/hỏng của hàng hóa, vật tư:

Tỷ lệ lỗi/hỏng của hàng hóa trong thời gian chạy thử/ bảo hành (FR_{bh}): là tỷ lệ % lỗi/hỏng của hàng hóa (do lỗi của nhà sản xuất, không phải do lỗi của Bên A) được tính toán theo công thức sau:

$$FR_{bh} = \frac{\text{Số lượng hàng hóa, vật tư bị lỗi/hỏng trong thời gian chạy thử/Bảo hành}}{\text{Số lượng hàng hóa, vật tư của hợp đồng được đưa vào sử dụng}}$$

Tỷ lệ lỗi/hỏng được xác định riêng đối với mỗi loại hàng hóa, vật tư trong Phụ lục 01 của hợp đồng. Quy trình kiểm tra, xác minh lỗi hàng hóa tuân thủ theo quy trình tại Phụ lục 3.3 của Hợp đồng.

2. Quy định tỷ lệ lỗi/hỏng của hàng hóa trong thời gian chạy thử, bảo hành:

Bên B cam kết Hàng hóa, vật tư cung cấp theo hợp đồng phải đảm bảo có tỷ lệ lỗi/hỏng (do lỗi của nhà sản xuất, không phải do lỗi của Bên A) trong thời gian chạy thử, bảo hành không vượt quá giá trị như sau:

- Số lượng ≤ 50 : Tỷ lệ lỗi/hỏng ≤ 01 hàng hóa, vật tư/năm.
- $50 < \text{số lượng} \leq 100$: Tỷ lệ lỗi/hỏng ≤ 02 hàng hóa, vật tư/năm.
- Số lượng > 100 , tỷ lệ lỗi/hỏng quy định theo thời gian như sau:

TT	Thời gian đưa vào hoạt động (T)	Tỷ lệ lỗi/hỏng cho phép (FR)
1	$T \leq 03$ tháng	$FR \leq 0,7\%$
2	$T \leq 06$ tháng	$FR \leq 1,3\%$
3	$T \leq 12$ tháng	$FR \leq 2,0\%$
4	$T \leq M$ tháng	$FR \leq X\%$

Ghi chú: Đối với thiết bị có thời gian đưa vào sử dụng, bảo hành > 12 tháng thì tỷ lệ hỏng cho phép được nội suy dựa trên tỷ lệ hỏng trong 6 tháng, 12 tháng ở trên. Công thức tính nội suy như sau:

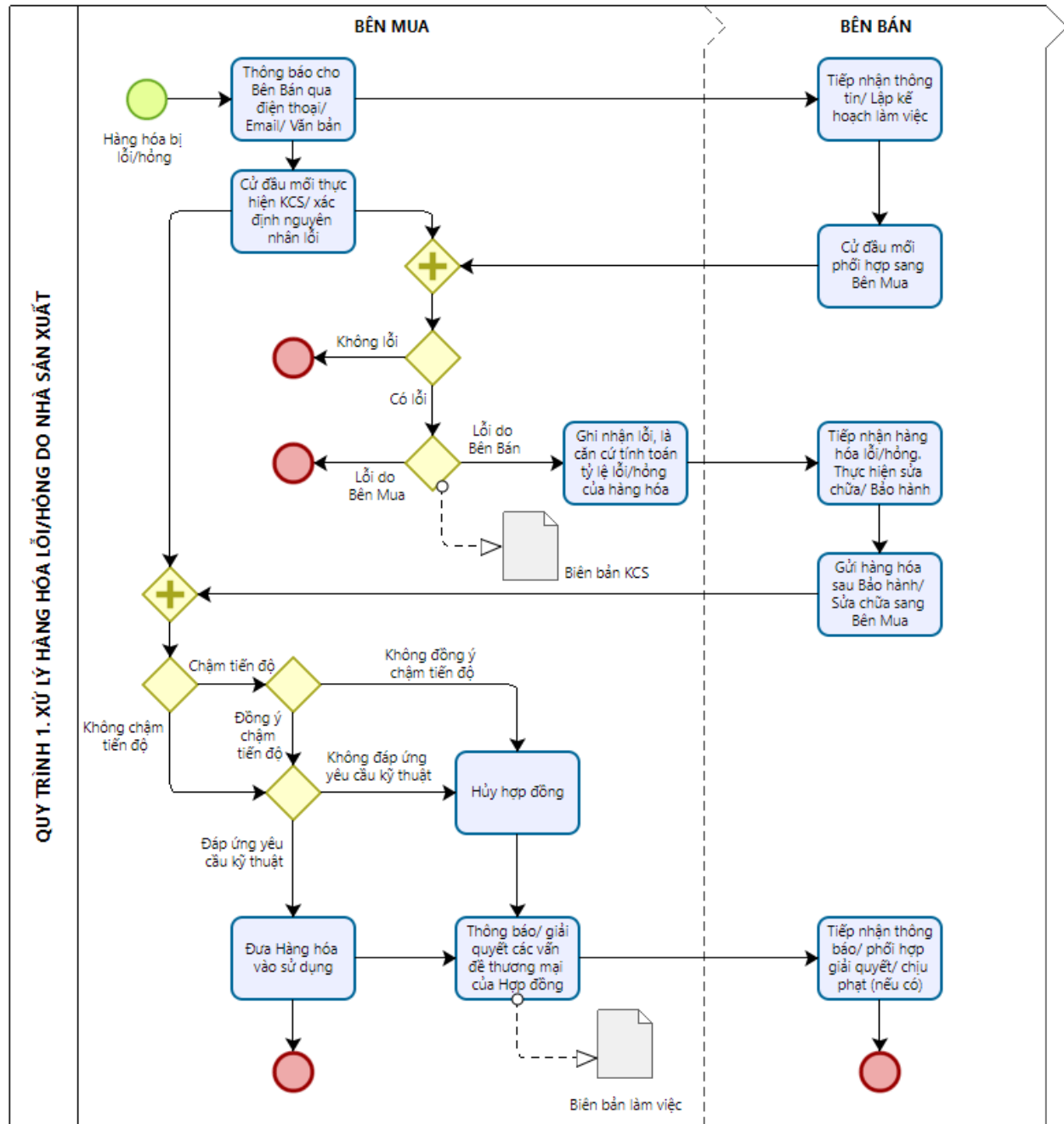
$$X = 2 + \frac{(2 - 1,3) * (M - 12)}{(12 - 6)}$$

Đơn vị sử dụng của Bên A: tổ chức theo dõi, đánh giá định kỳ tỷ lệ lỗi/hỏng của toàn bộ hàng hóa đưa vào sử dụng, hoạt động trên mạng lưới. Báo cáo tỷ lệ lỗi/hỏng hàng hóa định kỳ theo quý hoặc báo cáo đột xuất (khi hàng hóa lỗi/hỏng đột biến hoặc tỷ lệ hỏng > tỷ lệ hỏng cho phép của Hợp đồng). **Phòng** của Bên A chủ trì và **Đơn vị sử dụng của Bên A** phối hợp trong việc xác định nguyên nhân lỗi/hỏng hàng hóa và đề xuất các biện pháp xử lý, khắc phục.

Bên B phối hợp với Bên A trong việc xác định nguyên nhân lỗi/hỏng hàng hóa (theo

Quy trình xác minh tại Phụ lục 3.3 của hợp đồng) và giải quyết các vấn đề thương mại của Hợp đồng.

Phụ lục 3.3. Quy trình xử lý hàng hóa lỗi/ hỏng do nhà sản xuất



PHỤ LỤC 4: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

PHỤ LỤC 5: DỊCH VỤ BẢO HÀNH VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

1. Toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng được bảo hành miễn phí tại các Tổng kho của Bên A trong thời gian bảo hành là 12 (**mười hai**) tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC)

Hàng hóa được sửa chữa/ thay thế trong thời gian bảo hành sẽ được bảo hành tiếp trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày Bên A nhận hàng hóa đã được sửa chữa hoặc đến hết thời hạn bảo hành, tùy trường hợp nào dài hơn.

Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa gặp sự cố, lỗi, hỏng (không phải do lỗi của Bên A), bằng chi phí của mình, Bên B có trách nhiệm sửa chữa/ thay thế và khắc phục sự cố hàng hóa theo quy định tại E-ĐKC 23.5, E-ĐKC 23.6.

Bên A có trách nhiệm tuân thủ mọi quy tắc bảo hành. Nếu các lỗi do Bên A gây ra như phá vỡ niêm phong bảo hành, dùng không đúng quy trình kỹ thuật, hoặc các lỗi xảy ra ngoài thời gian bảo hành thì Bên B vẫn phải có trách nhiệm sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian như quy định E-ĐKC 23.5, E-ĐKC 23.6 nhưng chi phí sẽ do Bên A chịu, tuy nhiên đơn giá sửa chữa hàng hóa không được vượt quá 20% so với đơn giá vật tư hàng hóa mới trong Hợp đồng. Chi phí gửi hàng lỗi đi do Bên A chịu, chi phí nhận hàng về do Bên B chịu.

2. Trong suốt thời gian bảo hành, Bên B phải chuẩn bị sẵn sàng hàng hóa dự phòng trong kho của mình để đảm bảo tính sẵn sàng trong công việc bảo hành, bảo trì, sửa chữa, thay thế cho hàng hóa lỗi, hỏng.

3. Ngoài các nghĩa vụ về bảo hành hàng hóa như quy định tại Phụ lục này, Bên B còn có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật từ xa với thời gian 24/7 trong suốt thời gian bảo hành nếu được Bên A yêu cầu.

PHỤ LỤC 6: ĐÀO TẠO [Không áp dụng]

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Sau khi ký Biên bản bàn giao hàng hóa, Bên B chịu trách nhiệm tổ chức 01 khóa đào tạo cho Bên A (nếu Bên A yêu cầu). Đào tạo ở mức cao nhất về lắp đặt, vận hành, xử lý sự cố và bảo dưỡng toàn bộ hàng hóa để các kỹ sư của Bên A có đầy đủ thông tin, kiến thức lý thuyết và thực hành đối với hàng hóa. Chi tiết khóa đào tạo như sau:

- Địa điểm: địa chỉ cụ thể theo chỉ định của Bên A tại Việt Nam.
- Giảng viên: Là chuyên gia của Hãng sản xuất hoặc của Bên B được cấp chứng chỉ của Nhà sản xuất
- Chi tiết về số lượng học viên, thời gian đào tạo và các nội dung khác: sẽ quy định cụ thể khi ký hợp đồng chính thức.

Bên B có trách nhiệm cung cấp tài liệu đào tạo và trả lời các câu hỏi của Bên A liên quan đến hàng hóa.

Mọi chi phí liên quan đến khóa đào tạo bao gồm toàn bộ các chi phí như chi phí đi lại, sinh hoạt, bảo hiểm,... sẽ do Bên B chịu.

Sau khóa học, (Nếu Bên A yêu cầu) Bên B sẽ tổ chức kiểm tra các học viên để đánh giá và cấp chứng chỉ cho những học viên đạt yêu cầu. Trách nhiệm đào tạo được coi là hoàn thành chỉ sau khi hai Bên ký Biên bản xác nhận đào tạo.

PHỤ LỤC 7: CÁC BIỂU MẪU (NẾU CÓ)

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Biểu mẫu Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC)

Biểu mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KỸ THUẬT \ (TAC)

Số:

- Căn cứ vào Hợp đồng sốngày ký giữa Tổng Công ty CP Công trình Viettel và Công ty TNHH Điện và Công nghiệp Hà Linh về việc
- Căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu về chỉ tiêu kỹ thuật kèm theo;
- Căn cứ biên bản KCS sốcủa Bộ phận KCS-Phòng Kỹ thuật Công nghệ
- Tổng Công ty CP Công trình Viettel.

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2023, tại Tổng Công ty Cổ phần Công Trình Viettel, chúng tôi gồm:

BÊN A (BÊN MUA): TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Đại diện: Ông _____ Chức vụ:

(Theo Ủy quyền số _____)

BÊN B (BÊN BÁN):

Đại diện: Ông _____ Chức vụ:

Hai bên đã tiến hành kiểm tra kỹ thuật và nghiệm thu hàng hóa Hợp đồng sốtheo những nội dung như sau:

1. Đánh giá tình trạng kỹ thuật, khối lượng bàn giao.

- Số lượng chủng loại hàng hóa hai bên giao nhận đúng theo nội dung điều khoản hợp đồng đã ký kết, cụ thể như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng		
				Tổng	KV1	KV2

- Hai bên đã tiến hành kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật. Kết quả kiểm tra đảm bảo hàng hóa đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật và chất lượng quy định tại hợp đồng số

2. Kết luận:

- Hai bên nhất trí nghiệm thu kỹ thuật và chính thức đưa vào sử dụng toàn bộ số vật tư, hàng hóa nêu trên .

- Toàn bộ hàng hóa được bảo hành theo nội dung điều khoản của hợp đồng số

Biên bản này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.1 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.1 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)
[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện

hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.